

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 6- 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hải

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Lan; Bà Nguyễn Thị Xuyên

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thủy Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 25/2022/TLST - HNGĐ, ngày 10/3/2022 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐST - HNGĐ, ngày 08/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lý Thị T, sinh năm 1979 (có mặt)

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Trương Văn T, sinh năm 1971 (vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Lý Thị T trình bày: Tôi và anh Trương Văn T xây dựng gia đình năm 1995. Trước khi cưới có được tìm hiểu và lấy nhau tự nguyện, tuy nhiên, chúng tôi không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, vì chúng tôi còn trẻ, chưa hiểu biết. Sau khi cưới vợ chồng về sống tại gia đình nhà anh T tại tổ dân phố C, thị trấn Đ, (nay là thị trấn H), huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng sống không hợp nhau, vợ chồng có xảy ra cãi chửi nhau, cũng có vài lần xảy ra xô xát với nhau. Đến tháng 10/2021 tôi về nhà mẹ đẻ tại xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên để sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó tới nay, hiện không còn quan tâm gì tới nhau và chấm dứt mọi quan hệ. Đến nay, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được

với nhau. Tôi đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và anh Trương Văn T.

Về con chung: Tôi và anh T có 02 con chung:

1. Cháu Trương Thị T, sinh ngày 19/10/1996
2. Cháu Trương Đức T, sinh ngày 23/10/2008.

Khi Tòa án giải quyết cho vợ chồng tôi, do cháu T có nguyện vọng được ở với anh T nên tôi nhất trí để anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Còn cháu T hiện tại đã trưởng thành nên tôi không ý kiến gì.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tôi không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi đã làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung của chúng tôi, nên tôi không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đối với phần tài sản chung, nợ chung trong vụ án này.

Lời khai của bị đơn anh Trương Văn T bày: Tôi và chị Lý Thị T xây dựng gia đình năm 1995, trước khi cưới có được tìm hiểu lấy nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Tuy nhiên chúng tôi không đi đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới vợ chồng về sinh sống tại gia đình tôi tại Tổ dân phố C, thị trấn Đ (nay là thị trấn H), vợ chồng không ai có tài sản riêng gì. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11/2021 tôi phát chị T có quan hệ ngoại tình với người khác, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng tôi không có cãi vã, không tranh luận, tôi đã cố gắng khuyên bảo chị T nhưng không được. Chị T bỏ đi khỏi nhà từ tháng 11/2021 tới nay vợ chồng đã chấm dứt mọi quan hệ. Đến nay, chị T đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng, tôi nhất trí

Về con chung: Tôi và chị T có 02 con chung:

1. Cháu Trương Thị T, sinh ngày 19/10/1996
2. Cháu Trương Đức T, sinh ngày 23/10/2008.

Tòa án giải quyết cho vợ chồng tôi, tôi có nguyện vọng nuôi cháu T. Cháu T hiện tại đã trưởng thành, tôi không ý kiến gì, cháu ở với ai là tùy quyền của cháu.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tôi không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu phía nguyên đơn là chị T cung cấp cho Tòa án bao gồm: 01 Giấy chứng minh nhân dân Lý Thị T (bản sao), 01 Giấy khai sinh của Trương Đức T (bản sao), 01 Sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ Trương Văn T (bản sao); 01 Giấy khai sinh của cháu Trương Thị T (bản phô tô), 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Trương Văn T, Lý Thị T (bản sao).

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng, về con chung chị T nhất trí để anh T nuôi cháu Trương Đức T, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản, chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Anh T vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 14, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị tuyên xử.

- Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị T và anh Trương Văn T.

- Về con chung: Cháu Trương Thị T đã trưởng thành.

Giao con chung Trương Đức T, sinh ngày 23/10/2008 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét do đương sự không yêu cầu. Về quyền thăm nom con chung chị T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

+ Về tài sản: Không xem xét.

+ Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật nộp ngân sách nhà nước.

Quá trình giải quyết, Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, tuy nhiên anh Tg vắng mặt, vụ án do chị T và anh T không đăng ký kết hôn theo quy định nên thuộc trường hợp không được tiến hành hòa giải, do vậy phải đưa vụ án ra xét xử công khai tại phiên tòa hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng, nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Trương Văn T có hộ khẩu thường trú tại thị trấn H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tại phiên tòa anh T vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Chị Lý Thị T và anh Trương Văn T xây dựng gia đình năm 1995, trước khi cưới có được tìm hiểu, lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tại địa phương, tuy nhiên chị T và anh T không đi đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Cuộc sống chung của vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2021 thì giữa các bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn phía chị T cho rằng vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau và xô xát với nhau, đến

tháng 7/2021 chị bỏ về nhà bố mẹ để ở vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án xem xét không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh T, tại phiên tòa chị vẫn giữ nguyên quan điểm. Phía anh T xác định nguyên nhân do chị T có quan hệ ngoại tình với người khác, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên anh cũng đã thuyết phục chị để vợ chồng về đoàn tụ nhưng vẫn không có kết quả. Đến nay, chị T đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng, anh xác định không còn tình cảm và anh nhất trí, tại phiên tòa anh T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

HĐXX xét thấy cả hai bên đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, do chị T và anh T chung sống như vợ chồng, anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định. Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ*”. Đối chiếu với trường hợp của chị T và anh T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1995 cho đến nay mà không có đăng ký kết hôn, nay có yêu cầu ly hôn, HĐXX cần tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị T và anh Trương Văn T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết cả chị T và anh T đều xác định vợ chồng có 02 con chung:

1. Trương Thị T, sinh ngày 19/10/1996
2. Trương Đức T, sinh ngày 23/10/2008

Quá trình giải quyết, phía chị T nhất trí để anh T nuôi dưỡng cháu T, phía anh T cũng có nguyện vọng nuôi cháu T. Còn cháu T hiện đã trưởng thành.

HĐXX xét thấy cháu Trương Thị T hiện đã trưởng thành; còn cháu Trương Đức T hiện đang sinh sống cùng với cùng với bố là anh Trương Văn T. Phía chị T nhất trí để anh T nuôi cháu T, anh T cũng có nguyện vọng nuôi cháu T. Mặt khác tại bản ý kiến của cháu T thì cháu cũng có nguyện vọng được với với anh T. Xét nguyện vọng của đương sự và nguyện vọng của cháu T nên cần giao cho anh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Đức T đến khi con chung trưởng thành là phù hợp, từ trường hợp chị T, anh T có thỏa thuận khác hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đương sự không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quyền đi lại thăm nom con chung: Chị T được quyền đi lại thăm nom chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung mà không bị ai cản trở.

[4]. Về tài sản: Quá trình giải quyết cả chị T và anh T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, anh chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc bằng máy phân diện tích đất: Chị T tự nguyện chịu, chị đã nộp xong và chị không ý kiến gì nên HĐXX không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Khoản 1, Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị T và anh Trương Văn T.

2. Về con chung: Con chung Trương Thị T đã trưởng thành.

Giao con chung Trương Đức T, sinh ngày 23/10/2008 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), trừ trường hợp chị T, anh T có thỏa thuận khác hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

Về quyền thăm nom con chung: Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không xem xét.

4. Về án phí. Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003878, ngày 10/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Báo cho chị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- T/ báo cho UBND tt H;
- Lưu hồ sơ + VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Ngọc Hải